TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**45** /2021/DS-ST
Ngày 15 tháng 12 năm 2021
V/v "*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Dân
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Trịnh Hồng Hải
- Ông Trần Minh Tám

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà S - Số 111A đường P, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H1; Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P1 - Số 26 đường U, phường L, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh (*Theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng Q).* Bà Trần Thị Thu H1 ủy quyền lại cho:

+ Ông Đặng Văn T1, chức vụ: Trưởng nhóm xử lý nợ Ngân hàng Q;

+ Bà Phan Thị Thanh L1, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q;

+ Ông Trương Võ Văn Q1, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q;

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P1 - Số 26 đường U, phường L, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh (*Theo giấy ủy quyền số 00575 ngày 26/3/2021)*

+ Ông Nguyễn Ngọc C1, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q (*Theo giấy ủy quyền số 022890.21 ngày 30/11/2021)*.Ông C1 có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1968; Địa chỉ: K20/H11/05 đường H, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung trong đơn khởi kiệncũng như Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - chi nhánh Sông Hàn ký với khách hàng Phan Thanh T Hợp đồng tín dụng số 642 ngày 28/11/2018 với nội dung: Ngân hàng Q cho khách hàng Phan Thanh T vay số tiền 490.000.000 đồng; mục đích vay mua 01 xe ô tô Mitsubishi, loại xe Xpander, biển kiểm soát 43A-403.93, mục đích sử dụng. Thời hạn vay 84 tháng từ ngày 30/11/2018 đến ngày 29/11/2025. Hoàn trả khoản gốc vào ngày 25 hàng tháng (mỗi tháng trả 5.835.000 đồng). Trả lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 25/12/2018. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng Q đã giải ngân cho khách hàng Phan Thanh T theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 642.KUNN426 ngày 29/11/2018 với số tiền 490.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ,ông Phan Thanh T đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe Xpander, biển kiểm soát 43A-403.93. Đối với tài sản bảo đảm này, Ngân hàng Q đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Hiện Ngân hàng Q chưa xử lý tài sản bảo đảm trên. Ngân hàng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản bảo đảm nói trên.

Ngoài ra khách hàng Phan Thanh T còn mở tại Ngân hàng Q thẻ tín dụng số 426_21082019_775632 ngày 13/8/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng Phan Thanh T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy Ngân hàng Q đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/9/2020. Tính đến ngày 23/3/2021 khách hàng Phan Thanh T đã thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 205.210.817 đồng (gốc 122.535.000 đồng, lãi 82.775.817 đồng).

Tạm tính đến ngày 15/12/2021 ông Phan Thanh T còn nợ lại Ngân hàng Q số tiền **553.678.137đ** (*năm trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 642.HDTD426.18 ngày 28/11/2018 là: 457.935.660 đồng (nợ gốc: 367.465.000 đồng, lãi trong hạn: 4.260.351, lãi quá hạn:86.210.309 đồng).

- Dư nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 13/8/2018 là: 95.742.477 đồng (Trong đó nợ gốc là 27.894.781, nợ lãi là 15.286.340 đồng, phí chậm thanh toán: 35.465.603 đồng và phí vượt hạn mức: 17.095.753 đồng).

**** Bị đơn là ông Phan Thanh T***, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh khê đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phan Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc, lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức cụ thể: Buộc ông T phải trả số tiền 553.678.137 đồng, trong đó: Theo hợp đồng 642.HDTD462.18 ngày 28/11/2018 là 457.935.660 đồng, trong đó: Nợ gốc 367.465.000 đồng; tiền lãi: 4.260.351 đồng, lãi quá hạn: 86.201.309 đồng; Theo hợp đồng 426-2108219-775632 ngày 13/8/2019 là

95.742.477 đồng, gốc là 27.894.781 đồng, tiền lãi là 15.286.340 đồng, phí là 52.561.356 đồng (Phí chậm thanh toán là 35.465.603 đồng và phí vượt hạn mức là 17.095.753 đồng). Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, lãi phạt, phí phát sinh kể từ ngày 16/12/2021 cho đến khi ông Phan Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mở thẻ và sử dụng tài khoản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn là TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Phan Thanh T trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng. Ông Phan Thanh T có địa chỉ cư trú tại K20/H11/05 đường H, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn là ông Phan Thanh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:*** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã thể hiện:

Ngày 18/11/2018, ông Phan Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP Q Hợp đồng tín dụng số 642.HĐTD vay số tiền 490.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi số loại Xpander, thời hạn vay 84 tháng, thời hạn vay: bắt đầu từ ngày 30/11/2018;lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm. Lãi suất ưu đãi này chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn.

Ngày 13/8/2019, Ngân hàng TMCP Q phát hành thẻ tín dụng cho ông Phan Thanh T theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 13/8/2019 với hạn mức 30.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy Ngân hàng Q đã chuyển khoản vay

thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/9/2020. Tạm tính đến ngày 23/3/2021 khách hàng Phan Thanh T đã thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 205.210.817 đồng (gốc 122.535.000 đồng, lãi 82.775.817 đồng). Tạm tính đến ngày 15/12/2021 ông Phan Thanh T còn nợ lại Ngân hàng Q số tiền **553.678.137đ** (*năm trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 642.HDTD426.18 ngày 28/11/2018 là: 457.935.660 đồng (nợ gốc: 367.465.000 đồng, lãi trong hạn: 4.260.351, lãi quá hạn:86.210.309 đồng).

- Dư nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 13/8/2018 là: 95.742.477 đồng (Trong đó nợ gốc là 27.894.781, nợ lãi là 15.286.340 đồng, phí chậm thanh toán: 35.465.603 đồng và phí vượt hạn mức: 17.095.753 đồng).

Như vậy, ông Phan Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Tuấn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phan Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/12/2021 là **553.678.137đ** (*năm trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*) (Bao gồm Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản) và tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, lãi phạt, phí phát sinh kể từ ngày 16/12/2021 cho đến khi ông Phan Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mở thẻ và sử dụng tài khoản mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại các Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe Xpander, biển kiểm soát 43A-403.93, trước khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nhưng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q đã gửi cho Tòa án văn bản trả lời số 36734.21, trong đó nêu rõ "…Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander ". Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn cũng vẫn giữ nguyên ý kiến về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết yêu cầu của đương sự trong phạm vi đơn khởi kiện. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ không đề cập xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] ***Về án phí:*** Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463,466,468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Q đối với bị đơn là ông Phan Thanh T.

Buộc ông Phan Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày 15/12/2021 là **553.678.137đ** (*năm trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 642.HDTD426.18 ngày 28/11/2018 là: 457.935.660 đồng (Nợ gốc: 367.465.000 đồng, lãi trong hạn: 4.260.351, lãi quá hạn:86.210.309 đồng); Dư nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 13/8/2018 là 95.742.477 đồng (Trong đó nợ gốc: 27.894.781, nợ lãi:15.286.340 đồng, phí chậm thanh toán:

35.465.603 đồng và phí vượt hạn mức: 17.095.753 đồng).

Ông Phan Thanh T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/12/2021 cho đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thanh T phải chịu 26.147.125đ *(hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng)*.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.257.000đ *(Mười một triệu,hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0009376, ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.